

## **KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**ÔN TẬP CHƯƠNG 7**

Môn: Sinh học; Lớp: 12…

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**THÔNG TIN THÀNH VIÊN NHÓM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HỌ VÀ TÊN** | **ĐIỆN THOẠI** | **TÊN ZALO** | **GMAIL** |
| 1 |  | 0335822054 | Thuong Nguyen |  |
| 2 | Trần Thị Kiều | 0969824696 | Kiều Trần | tranthikieu.c3mtt@soctrang.edu.vn |
| 3 | Phạm Thanh Sang |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC** | | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **MÃ HOÁ** |
| **1. Về năng lực**  ***a. Năng lực sinh học*** | | | |
| *Nhận thức sinh học* | | Tìm được từ khoá và sử dụng được thuật ngữ khoa học để kết nối thông tin theo logic có ý nghĩa trong việc xây dựng sơ đồ hệ thống hoá kiến thức về quần xã sinh vật và hệ sinh thái. | SH 1.8.1 |
| Sử dụng được các hình thức ngôn ngữ biểu đạt khác nhau để hoàn thành các bài tập ôn tập Chương 7. | SH 1.8.2 |
| *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học* | | Vận dụng những hiểu biết về quần xã sinh vật và hệ sinh thái để giải thích được những hiện tượng thường gặp trong đời sống. | SH 3.1 |
| ***b. Năng lực chung*** | | | |
| *Tự chủ và  tự học* | Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập các nội dung về quần xã sinh vật và hệ sinh thái; biết tự điều chỉnh cách học tập môn  Sinh học cho phù hợp. | | TCTH 6.3 |
| *Giao tiếp và hợp tác* | Lựa chọn được hình thức làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập. | | GTHT 3 |
| *Giải quyết  vấn đề và sáng tạo* | Nêu được ý tưởng mới trong việc hệ thống hoá kiến thức về quần xã sinh vật và hệ sinh thái. | | VĐST 3 |
| **2. Về phẩm chất** | | | |
| *Chăm chỉ* | Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn khi học tập về quần xã sinh vật và hệ sinh thái. | | CC 1.1 |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

- Sơ đồ hệ thống hoá kiến thức Chương 7.

- Bộ câu hỏi có nội dung về quần xã sinh vật và hệ sinh thái (nếu GV thiết kế trò chơi).

- Máy tính, máy chiếu.

**2. Đối với học sinh**

- Bảng trắng, bút lông;

- Giấy roki khổ A0.

- Thiết bị (máy tính, điện thoại) có kết nối internet.

- Biên bản thảo luận nhóm;

- Nội dung trả lời các câu hỏi trong bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1. LUYỆN TẬP (30 phút)**

**Hoạt động 1.1. Hệ thống hoá kiến thức (10 phút)**

**a) Mục tiêu:** SH 1.8.1; TCTH 6.3; GTHT 3; VĐST 3; CC 1.1.

**b) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  ‒ GV hướng dẫn HS tham gia cuộc thi “Nhà thiết kế tài ba”: Mỗi đội sẽ thiết kế một sản phẩm học tập (sơ đồ, áp phích,…) trên một mặt giấy A0 về chủ đề liên quan đến các kiến thức của Chương 7.  ‒ GV có thể chia HS thành 4 nhóm học tập (hai nhóm cùng thực hiện một nội dung):  + Nội dung 1: Quần xã sinh vật.  + Nội dung 2: Hệ sinh thái.  ‒ Yêu cầu:  + Thời gian: 10 phút.  + Trên sản phẩm phải có đủ các mục: thông tin của nhóm, tên sản phẩm, nội dung kiến thức kèm hình ảnh minh hoạ (nếu có).  + Hình thức trình bày: bố cục rõ ràng, khoa học; màu nền và màu chữ phải có độ tương phản cao, có tính thẩm mĩ;…  ‒ GV có thể cho HS thực hiện trước tại nhà để tiết kiệm thời gian trên lớp.  GV có thể tổ chức cho HS đại diện nhóm giới thiệu sản phẩm của nhóm mình để người xem tham gia bình chọn và tìm ra sản phẩm đạt giải “Sản phẩm được yêu thích nhất”. Nhóm có sản phẩm nhận được nhiều lượt bình chọn nhất (trên zalo) sẽ được cộng điểm.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  ‒ HS thiết kế sản phẩm học tập theo yêu cầu của GV.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  ‒ Mỗi nhóm cử một đại diện trình bày sản phẩm của nhóm mình.  ‒ Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, góp ý.  ***\* Kết luận, nhận định:***  ‒ GV nhận xét, chỉnh sửa và công bố kết quả điểm số cho sản phẩm học tập của HS.  ‒ GV dùng công cụ 2 và 11 để đánh giá. | **Sản phẩm của mỗi nhóm là sơ đồ hệ thống hóa kiến thức chương 7 dưới dạng bức tranh.** |

**Hoạt động 1.2. Hướng dẫn giải bài tập (20 phút)**

**a) Mục tiêu:** SH 1.8.2; SH 3.1; TCTH 6.3; GTHT 3; VĐST 3; CC 1.1.

**b) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV sử dụng các câu hỏi 1, 2, 3 trang 180 SGK tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Vòng quay kì diệu”:  + Trên vòng tròn sẽ có: sáu ô tương ứng từ 500 đến 1.000 điểm, một ô nhân đôi số điểm, một ô mất lượt, một ô mất điểm và một ô phần quà may mắn (GV có thể linh động thay đổi theo ý tưởng khác).  + Mỗi đội sẽ quay ngẫu nhiên vào một ô bất kì. Trường hợp quay vào các ô có điểm, đội chơi sẽ có 30 giây để suy nghĩ và trả lời câu hỏi do GV đặt ra; nếu trả lời đúng sẽ được hưởng số điểm của ô đó, trả lời sai không bị trừ điểm; các đội còn lại giành quyền trả lời bằng cách giơ bảng, nếu trả lời đúng sẽ được hưởng số điểm của ô đó, trả lời sai không bị trừ điểm.  + Trường hợp quay vào ô mất lượt thì lượt chơi sẽ dành cho đội kế tiếp.  + Trường hợp quay vào ô phần quà may mắn, đội chơi sẽ nhận được một phần quà từ GV.  + Các đội sẽ bốc thăm để giành quyền ưu tiên tham gia trò chơi.  + Đội chiến thắng là đội có số điểm cao nhất.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tham gia trò chơi dưới sự dẫn dắt của GV.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày câu trả lời của nhóm mình.  ***\* Kết luận, nhận định:***  ‒ GV nhận xét, chỉnh sửa và công bố kết quả điểm số cho phần thi của các nhóm.  ‒ Gợi ý trả lời câu hỏi: Tham khảo đáp án trong SGV.  - GV sử dụng công cụ 1 và 2 để đánh giá. | Câu trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, trang 180 (gợi ý đáp án trong SGV) |

**HOẠT ĐỘNG 2. VẬN DỤNG (15 phút)**

**a) Mục tiêu:** SH 1.8.2; SH 3.1; TCTH 6.3; CC 1.1.

**b) Tổ chức thực hiện**

***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV hướng dẫn HS thực hiện các câu hỏi trong SBT tại nhà qua Google Form hoặc trình bày theo mẫu mà GV yêu cầu, nộp lại cho GV trên Padlet hoặc Google Drive từ ngày …/…/… đến …/…/…

***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS trả lời câu hỏi và nộp bài theo yêu cầu của GV.

***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày nội dung trả lời các câu hỏi được yêu cầu.

***\* Kết luận, nhận định:***

‒ GV nhận xét, chỉnh sửa và công bố kết quả điểm số cho phần thi của các nhóm.

‒ Gợi ý trả lời câu hỏi: Tham khảo đáp án trong SBT.

‒ GV sử dụng công cụ 1 và 2 để đánh giá.

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**A. NỘI DUNG DẠY HỌC CỐT LÕI**

**ÔN TẬP CHƯƠNG 7 (SGK trang 179)**

|  |  |
| --- | --- |
| **ÔN TẬP CHƯƠNG 7 (SGK trang 179)** | |
| **I. Hệ thống hoá kiến thức**  **1. Quần xã sinh vật**  **a. Khái niệm: t**ập hợp các quần thể sinh vật cùng sống trong một khoảng không gian xác định, ở thời điểm xác định.  **b. Các đặc trưng**   * Thành phần loài: loài ưu thế, loài đặc trưng, loài chủ chốt * **Cấu trúc không gian:** theo phương thẳng đứng và theo phương ngang   **- Cấu trúc chức năng dinh dưỡng:** sinh vật sản xuẩt; sinh vật tiêu thụ; sinh vật phân giải.  **c. Quan hệ giữa các loài trong quần xã:** Cạnh tranh; hợp tác; cộng sinh; hội sinh; ức chế; kí sinh - vật chủ; động vật ăn thực vật - thực vật; vật ăn thịt - con mồi.  **d. Ổ sinh thái:**  - Tập hợp giới hạn sinh thái của tất cả các nhân tố sinh thái trong môi trường sống của loài.  - Sự phân hoá ổ sinh thái giúp giảm sự cạnh tranh và tận dụng được nguồn sóng.  **e. Một số tác động đến cấu trúc quần xã:** Sự du nhập các loài ngoại lai hoặc suy giảm loài trong cấu trúc quần xã dẫn đến phá vỡ trạng thái cân bằng của quần xã.  **f. Biện pháp bảo vệ quần xã:** Thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên; hạn chế ô nhiễm môi trường; ngăn chặn nạn khai thác và buôn bán các loài thực vật, động vật hoang dã,...  **2. Hệ sinh thái**  **a. Khái niệm:** Hệ thống sinh học gồmm tổ hợp quần xã sinh vật và sinh cảnh  **b. Thành phần cấu trúc**  - Thành phân vô sinh; các yếu tố khí hậu, chất vô cơ và hữu cơ  -Thành phần hữu sinh: sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ và sinh vật phân giải  **c. Các kiểu hệ sinh thái:**   * Tư nhiên: hê sinh thái trên can và hê sinh thái dưới nước (nước mặn và nước ngot)   - Nhân tạo  **d. Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng**  **\* Chuỗi thức ăn**  - Một dãy gồm nhiểu loài SV có quan hệ dinh dưỡng với nhau và mỗi loài là một mắt xích  **- Phân loại:** chuỗi thức ăn khởi đầu bằng sinh vật tự dưỡng và chuỗi thức ăn khởi đầu bằng sinh vật sử dụng mùn bã hữu cơ  **\* Lưới thức ăn**  - Tập hợp các chuỗi thức ăn có mắt xích chung.  - Tất cả các loài có cùng mức dinh dưỡng hợp thành bậc dinh dưỡng  **\* Dòng năng lượng**   * Nguồn năng lượng chủ yếu cho sự sống trên Trái Đất là ánh sáng mặt trời. * TV sử dụng khoảng 0,2-0,5% tổng lượng bức xạ trên Trái Đất 🡪tổng hợp chất hữu cơ. * **Hiệu suất sinh thái:** phần trăm giữa năng lượng được tích luỹ ở bậc dinh dưỡng cao so với bậc dinh dưỡng thấp hơn.   **- Tháp sinh thái:** mô tả định lượng mối quan hệ dinh dưỡng giữa các bậc dinh dưỡng trong quần xã sinh vật. Gồm: tháp số lượng, tháp sinh khối, tháp năng lượng.  **e. Chu trình sinh – địa – hoá**  **\* Khái niệm:** Sự tuần hoàn vật chất qua các dạng khác nhau giữa sinh vật và môi trường trong hệ sinh thái.  **\* Một số chu trình: c**hu trình nước, chu trình carbon, chu trình nitrogen  **f. Sự biến động của hệ sinh thái**  **\* Diễn thế sinh thái**   * Quá trình biến đổi tuần tự của các quần xã sinh vật. * **Diễn thế nguyên sinh:** diễn ra ở môi trường chưa có sinh vật * **Diễn thế thứ sinh:** diễn ra ở môi trưởng đã có một quần xã sinh vật   **\* Một số hiện tượng:** Sự ấm lên toàn cầu, sự phú dưỡng, sa mạc hoá.  **3. Sinh quyển**  **a. Khái niệm:** Toàn bộ các hệ sinh thái trên Trái Đất  **b. Các khu sinh học**  **\* Khái niệm:** Các HST rất lớn đặc trưng cho đất đai và khí hậu cùa một vùng địa lí xác định  **\* Phân loại:**  **- Các khu sinh học trên cạn**: rừng nhiệt đới, savan, sa mạc, thảo nguyên.  **- Các khu sinh học dưới nước**: khu sinh học nước ngọt, khu sinh học nước mặn | |
| **II. Bài tập** | SGK trang 180 |

**B. CÁC HỒ SƠ KHÁC**

‒ **Sản phẩm:**

**+ Sản phẩm 1: Câu trả lời của HS.**

**1**. Hình 1 mô tả ổ sinh thái về nguồn sống của hai loài A và B. Cho biết mức độ cạnh tranh giữa loài A và loài B trong mỗi trường hợp. Giải thích.

**TL**

=>Trong quần xã, các loài có ổ sinh thái càng giống nhau🡪 mức độ cạnh tranh càng gay gắt 🡪 trong trường hợp (a) hai loài A và B không có sự cạnh tranh; mức độ cạnh tranh của hai loài A và B trong trường hợp (b) ít hơn trường hợp (c).

**2. Một số cây gỗ lớn** (ví dụ: thông, sồi,...) không có lông hút ở rễ nhưng chúng vẫn có thể lấy nước và muối khoáng nhờ các sợi nấm. Những sợi nấm chuyên hoá hình thành giác hút liên kết với rễ ở thực vật tạo thành nấm rễ, nhờ đó, nấm có thể lấy chất hữu cơ từ thực vật.

**a) Hãy cho biết mối quan hệ giữa nấm và rễ. Giải thích.**

**b) Nếu đất ở một vùng trồng cây thông được xử lí thuốc diệt nấm với liều lượng cao sẽ dẫn đến những hậu quả gì?**

**TL: a)** Đây là mối quan hệ cộng sinh vì cả nấm và rễ cùng có lợi, sự cộng sinh này có quan hệ chặt chẽ đối với sự tồn tại của chúng.

**b)** - Lượng thuốc diệt nấm dư thừa 🡪 gây ô nhiễm môi trường.

- Diệt cả các loài nấm có lợi 🡪 làm giảm năng suất cây trồng.

**3. Đọc đoạn thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới.**

- Sau vụ cháy rừng vào năm **2002** tại Vườn quốc gia UMinh Thượng (Kiên Giang), một trong những biện pháp được thực hiện nhằm giảm nguy cơ cháy rừng là tăng cường đắp đập để giữ nước trong mùa khô và hoàn thiện hệ thống kênh, mương trong khu vực rừng. Tuy nhiên, việc giữ nước đã dẫn đến tình trạng ngập nước và làm giảm khả năng sinh trưởng của rừng tràm.

- Về địa hình, rừng tràm u Minh Thượng được phân chia thành các khu vực theo độ cao giảm dần gồm: rừng tràm không bị cháy, rừng tràm trên than bùn dày, rừng tràm trên than bùn trung bình, rừng tràm trên than bùn mỏng và rừng tràm trên đất sét. Từ năm 2002 đến 2009, tuy rừng tràm đã dần được phục hồi nhưng lại có sự phân hoá về mức độ sinh trưởng của cây tuỳ theo độ cao của từng khu vực, ở khu vực càng cao, cây có mức sinh trưởng càng mạnh.

a) vườn quốc gia uMinh Thượng thuộc kiểu hệ sinh thái nào?

b) Mức độ sinh trưởng của rừng tràm chịu ảnh hưởng của nhân tố sinh thái nào? Giải thích sự tác động của nhân tố sinh thái đó đến mức độ sinh trưởng của cây tràm tại mỗi khu vực.

c) Sự phục hồi của rừng tràm tại Vườn quốc gia uMinh Thượng thuộc loại diễn thế sinh thái nào? Giải thích.

d) Vụ cháy rừng và sự phục hồi của rừng tràm có ảnh hưởng như thế nào đến sự đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia uMinh Thượng.

e) Em hãy đề xuất một số biện pháp để bảo vệ đa dạng sinh học.

**TL**

**a)** Vườn quốc gia u Minh Thượng thuôc kiểu hệ sinh thái tự nhiên.

**b**) -Mức độ sinh trưởng của rừng tràm chịu ảnh hưởng của nước. Tràm là loài cây chịu được ngập nhưng không phải là loài cây ưa ngập, khi nước ngập sâu lâu ngày thì điều kiện yếm khí làm các rễ phát triển kém.

**- Về địa hình,** rừng tràm u Minh Thượng được phân chia thành các khu vực theo độ cao giảm dần gồm: rừng tràm không bị cháy, rừng tràm trên than bùn dày, rừng tràm trên than bùn trung bình, rừng tràm trên than bùn mỏng và rừng tràm trên đất sét. Tuỳ theo độ cao mà vùng đất có độ ngập nước khác nhau đã ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và tăng trưởng của đường kính cây tràm tại khu vực. Sự sinh trưởng và tăng trưởng về đường kính của cây tràm tỉ lệ nghịch với mức độ ngập nước, nghĩa là ở những nơi ngập sâu thì sự sinh trưởng và tăng trưởng về đường kính kém hơn so với những nơi ngập nông.

**c)** Sự phục hồi của rừng tràm tại Vườn quốc gia U Minh Thượng thuộc loại diễn thế thứ sinh vì diễn ra ở môi trường đã có một quần xã sinh vật.

**d)** Rừng tràm U Minh Thượng bị cháy đã làm giảm số lượng của nhiều loài sinh vật 🡪suy giảm đa dạng sinh học. Sự phục hồi của rừng tràm đảm bảo cho quá trình sinh trưởng của thực vật, bảo tồn HST rừng tràm và đa dạng sinh học của Vườn quốc gia U Minh Thượng.

**e) Một số biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học:**

- Thành lập các khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên.

- Bảo vệ quần thể và quần xã sinh vật.

- Có kế hoạch hành động để bảo vệ đa dạng sinh học.

- Tích cực tham gia Công ước Cites, Công ước về Đa dạng sinh học, Công ước Ramsar,...

- Ban hành luật Đa dạng sinh học và các văn bản pháp luật về bảo vệ đa dạng sinh học.

- Tuyên truyền, giáo dục cho người dân về việc bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường,...

**+ Sản phẩm 2: Sản phẩm học tập hệ thống hoá kiến thức Chương 7.**

|  |
| --- |
|  |

**+ Sản phẩm 3: Bài làm trả lời câu hỏi trong SBT của HS (tham khảo đáp án trong SBT).**

**‒ Công cụ đánh giá** (Xem phần phụ lục):

+ Công cụ 1: Bảng đánh giá kết quả trả lời hệ thống câu hỏi.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi/Bài tập** | **Đáp án** | **Điểm tối đa** | **Điểm HS đạt được** |
| Câu 1 | … | … | … |
| … | … | … | … |

+ Công cụ 2: Bảng đánh giá kĩ năng làm việc nhóm của HS (HS tự đánh giá).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Điểm**  **tối đa** | **Điểm HS**  **đạt được** | **Hành vi của HS** |
| Sẵn sàng, vui vẻ nhận nhiệm vụ được giao | 1 | … | … |
| Thực hiện tốt nhiệm vụ cá nhân được giao | 2 | … | … |
| Chủ động liên kết các thành viên có những điều kiện khác nhau vào trong các hoạt động của nhóm | 2 | … | … |
| Sẵn sàng giúp đỡ thành viên khác trong nhóm khi cần thiết | 2 | … | … |
| Chủ động chia sẻ thông tin và học hỏi các thành viên trong nhóm | 1 | … | … |
| Đưa ra các lập luận thuyết phục được các thành viên trong nhóm | 2 | … | … |

+Công cụ 11: Thang đo đánh giá sơ đồ học tập (sơ đồ tư duy, sơ đồ hệ thống hoá,…).

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **Điểm tối đa** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** | **Mức 4** | **Mức 5** |
| Nội dung đầy đủ | 3 |  |  |  |  |  |
| Nội dung chính xác | 3 |  |  |  |  |  |
| Trình bày khoa học, màu sắc  hài hoà | 2 |  |  |  |  |  |
| Có tính sáng tạo | 2 |  |  |  |  |  |

## ***Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com***

## [***https://www.vnteach.com***](https://www.vnteach.com)

## ***Hướng dẫn tìm và tải các tài liệu ở đây***

## [***https://forms.gle/LzVNwfMpYB9qH4JU6***](https://forms.gle/LzVNwfMpYB9qH4JU6)